

THÔNG BÁO

Về việc mời tham gia thực hiện tư vấn thẩm định giá và tư vấn đấu thầu gói thầu:
Thuê dịch vụ phần mềm quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Các Công ty

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị thực hiện thẩm định giá dịch vụ thuê phần mềm quản lý Bệnh viện và tư vấn đấu thầu gói thầu: Thuê dịch vụ phần mềm quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị với nội dung như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	SL
1	- Phần mềm Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế VNPT-HIS - Phần mềm quản lý xét nghiệm VNPT LIS - Chụp ảnh và báo cáo kết quả chẩn đoán cho các thiết bị siêu âm, nội soi VNPT RIS/PACS (Đính kèm phụ lục danh mục tính năng của phần mềm)	Tháng	12

Đính kèm 01 báo giá của nhà cung cấp.

Kính đề nghị quý Công ty có đủ năng lực và điều kiện đáp ứng đúng quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan tham gia chào giá hoặc thực hiện tư vấn thẩm định giá dịch vụ thuê phần mềm quản lý Bệnh viện và tư vấn đấu thầu gói thầu nêu trên.

Thời gian chậm nhất là: trước 17 giờ 00 ngày 12 tháng 05 năm 2023.

Hồ sơ bao gồm: Công văn đề nghị tham gia, Báo giá hoặc biểu phí của Công ty kèm hồ sơ năng lực, xin chuyển đến: Phòng Công nghệ thông tin/ Phòng Tài chính kế toán / Ban giám đốc, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị: 266 Đường Hùng Vương - Đông Hà - Quảng Trị (SĐT: 0233 3852 152)

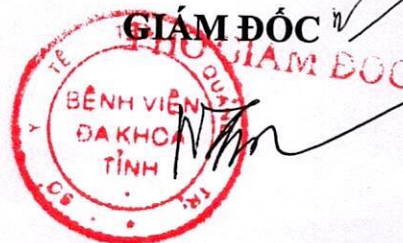
Mọi chi tiết xin liên hệ hoặc gửi email đến:

- Ông Nguyễn Ngọc Vỹ. SĐT: 0914 595 545. Email:
- Bà Nguyễn Thị Lưu Hồng – SĐT: 0914 351 669

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty. *T.T*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD;
- CNTT;
- Lưu: VT, TCKT.



Phan Xuân Nam

PHỤ LỤC: DANH MỤC TÍNH NĂNG CỦA PHẦN MỀM QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

(Đính kèm Thông báo của Bệnh viện Đa khoa tỉnh số /TB-BVĐK

ngày tháng 04 năm 2023)

1.	PHẦN HỆ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐÓN TIẾP
1.1.	Tiếp nhận bệnh nhân. Có thể đón tiếp bằng thẻ khám chữa bệnh thông minh.
1.2.	Điều phối bệnh nhân vào các phòng khám (một hoặc nhiều phòng khám đồng thời)
1.3.	Hệ hống xếp hàng cho khoa khám bệnh (lấy STT thông thường, STT khẩn, STT đặt trước và STT ưu tiên)
1.4.	Hệ thống xếp hàng cho khoa cận lâm sàng (xét nghiệm, CĐHA, phòng lấy mẫu ...) (STT thường, khẩn, đặt trước, ưu tiên)
1.5.	Ứng dụng thẻ bệnh nhân thông minh
1.6.	Tiếp đón bệnh nhân tự động bằng thẻ (không cần nhân viên lễ tân)
1.7.	Kết nối đầu đọc Qrcode để đọc thông tin thẻ BHYT, CCCD, VssID...
1.8.	Tích hợp tra cứu thẻ trực tiếp trên công giám định phát hiện thẻ sai sót, tra cứu lịch sử check-in thẻ BHYT
1.9.	Tự động cập nhật hạn thẻ khi phát hiện sai lệch thông tin trên công
1.10.	Tích hợp liên thông hệ thống kho dữ liệu Sở y tế, thống kê lượt khám, số BN khám (BHYT, Viện phí, Dịch vụ, Khám sức khỏe...)
1.11.	Tích hợp, liên thông số liệu khám chữa bệnh với hệ thống báo cáo (APP mobile, tablet quản lý cho Ban giám đốc BV) cho phép thống kê toàn bộ hoạt động khám chữa bệnh của BV.
2.	PHẦN HỆ QUẢN LÝ KHÁM BỆNH
2.1.	Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh chờ khám, người bệnh đã có kết quả CLS
2.2.	Phát loa gọi BN vào khám bệnh
2.3.	Chức năng Hỏi bệnh
2.4.	Chức năng khai báo dấu hiệu sinh tồn
2.5.	Chức năng Khám bệnh BN thông thường
2.6.	In tờ điều trị
2.7.	Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), Thủ thuật, các dịch vụ khác
2.8.	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép
2.9.	Chức năng kê đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
2.10.	Chức năng kê đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)
2.11.	Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị trống xuất toán
2.12.	Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị trống xuất toán
2.13.	Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật trực tiếp tại phòng khám
2.14.	Chức năng xác nhận thành phần tham gia PTTT
2.15.	Tính công phẫu thuật, thủ thuật
2.16.	Tính lỗ lãi, lợi nhuận dịch vụ kỹ thuật: Xét nghiệm, CĐHA, Phẫu thuật thủ thuật...
2.17.	Hoạch toán doanh thu khoa phòng
2.18.	Chức năng chuyển phòng khám
2.19.	Chức năng Thêm phòng khám

2.20.	Chức năng xem hồ sơ bệnh án
2.21.	Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ
2.22.	Chức năng cảnh báo kê thuốc vượt định mức trong gói dịch vụ kỹ thuật
2.23.	Chức năng cảnh báo kê vật tư vượt định mức trong gói dịch vụ kỹ thuật
2.24.	Chức năng chặn không cho phép chỉ định thuốc, vật tư hao phí vượt giá dịch vụ kỹ thuật
2.25.	Chức năng quản lý chặt chẽ người bệnh không có thẻ BHYT (Thu tiền công khám, tiền CLS, tiền thủ thuật)
2.26.	Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ
2.27.	Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng dịch vụ theo TT35
2.28.	Cảnh báo 1 số lưu ý khi chỉ định 1 số dịch vụ theo TT35
2.29.	Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu
2.30.	Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu
2.31.	Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ
2.32.	Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ
2.33.	Chức năng cảnh báo trùng thuốc, trùng nhóm kháng sinh
2.34.	Chức năng cảnh báo tương tác thuốc theo bảng màu
2.35.	In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác
2.36.	In phiếu kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật ngay tại phòng khám
2.37.	In đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
2.38.	In đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)
2.39.	Chức năng kết thúc khám: Cấp đơn cho về, cho về, Nhập viện, Chuyển viện, Tử vong, Hẹn khám mới, Hẹn khám tiếp, Khác...
2.40.	In phiếu khám bệnh vào viện
2.41.	In phiếu chuyển tuyến
2.42.	In giấy hẹn khám
2.43.	In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 01BV- BHYT
2.44.	Các mẫu biểu báo cáo khác của phân hệ khám bệnh: Sổ khám bệnh, báo cáo hoạt động khám bệnh, báo cáo cận lâm sàng, báo cáo tai nạn thương tích.
2.45.	Tích hợp, liên thông hồ sơ sức khỏe cá nhân liên thông thông tin khám chữa bệnh, kết quả CLS, đơn thuốc, PTTT...sau khi kết thúc khám
2.46.	Tính toán thời gian, đường đi ngắn nhất của BN khi thực hiện các dịch vụ CLS (theo tiêu chí TT54)
2.47.	Tính toán thời gian trung bình chờ tiếp đón, chờ khám của 1 BN (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.48.	Tính toán thời gian trung bình trả kết quả cận lâm sàng: Xét nghiệm, X-quang, Siêu âm...(theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.49.	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả đúng hẹn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
2.50.	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả không đúng hẹn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
3.	QUẢN LÝ ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ
3.1.	Kết nối màn hình LCD hiển thị danh sách người bệnh đang điều trị.
3.2.	Chức năng thăm khám.
3.3.	Chức năng chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), Thủ thuật, phẫu thuật, các dịch vụ khác.
3.4.	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép

3.5.	Khai báo thông tin mẫu bệnh phẩm: Thời gian lấy mẫu, người lấy mẫu, loại mẫu theo ISO 15189
3.6.	Chức năng khai báo thông tin dấu hiệu sinh tồn
3.7.	Chức năng kê đơn thuốc (trong gói, ngoài gói)
3.8.	Chức năng kê đơn vật tư (trong gói, ngoài gói)
3.9.	Chức năng tạo phiếu máu, chế phẩm máu
3.10.	Chức năng tổng hợp đơn thuốc thành phiếu tổng hợp y lệnh thuốc
3.11.	Chức năng tổng hợp đơn vật tư thành phiếu tổng hợp y lệnh vật tư
3.12.	Chức năng tổng hợp các phiếu máu, chế phẩm máu thành phiếu tổng hợp lĩnh máu, chế phẩm máu
3.13.	Chức năng xem kết quả CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN), thủ thuật, phẫu thuật.
3.14.	Chức năng cảnh báo thời gian tái sử dụng HBA1C theo TT35
3.15.	Cảnh báo 1 số lưu ý khi chỉ định 1 số dịch vụ theo TT35
3.16.	Chức năng in kết quả xét nghiệm ngay tại khoa điều trị
3.17.	Chức năng hội chẩn
3.18.	Chức năng gửi khám kết hợp
3.19.	Chức năng gửi điều trị kết hợp
3.20.	Chức năng chuyển mổ cấp cứu
3.21.	Chức năng chuyển mổ phiên
3.22.	Chức năng xem Hồ sơ bệnh án
3.23.	Chức năng cảnh báo chỉ định trùng dịch vụ
3.24.	Chức năng sử dụng, tạo đơn thuốc mẫu
3.25.	Chức năng sử dụng, tạo đơn vật tư mẫu
3.26.	Chức năng sử dụng đơn thuốc cũ
3.27.	Chức năng sử dụng đơn vật tư cũ
3.28.	Chức năng cảnh báo trùng thuốc, trùng nhóm kháng sinh
3.29.	Chức năng cảnh báo tương tác thuốc theo bảng màu
3.30.	Chức năng cảnh báo thuốc còn sử dụng
3.31.	Chức năng cảnh báo số tiền tạm ứng không đủ khi chỉ định dịch vụ/thuốc/vật tư (trừ hao phí không tính tiền cho BN)
3.32.	Chức năng cảnh báo kê thuốc vượt định mức trong gói
3.33.	Chức năng cảnh báo kê vật tư vượt định mức trong gói
3.34.	Cảnh báo dịch vụ CLS chưa thực hiện khi xuất khoa/xuất viện.
3.35.	Quản lý, kê đơn thuốc theo phác đồ điều trị để tránh bị xuất toán BHYT
3.36.	Quản lý, chỉ định dịch vụ theo phác đồ điều trị tránh xuất toán
3.37.	In phiếu chỉ định dịch vụ CLS (Xét nghiệm, CĐHA, TDCN...), Thủ thuật, các dịch vụ khác
3.38.	In phiếu tổng hợp y lệnh thuốc
3.39.	In phiếu tổng hợp y lệnh vật tư
3.40.	In phiếu tổng hợp lĩnh máu
3.41.	In phiếu tổng hợp lĩnh suất ăn
3.42.	In phiếu điều trị
3.43.	In phiếu chăm sóc
3.44.	In phiếu chức năng sống
3.45.	In phiếu truyền máu
3.46.	In phiếu truyền dịch

3.47.	In phiếu hội chẩn
3.48.	In giấy chứng nhận Phẫu Thuật
3.49.	In phiếu chỉ định giải phẫu bệnh
3.50.	In giấy đề nghị người bệnh đi tạm ứng
3.51.	Chức năng kết thúc điều trị: Ra viện, Trốn viện, Chuyển khoa, Chuyển viện, Tử vong, Khác
3.52.	In giấy ra viện (lấy được cả thông tin PTTT như phương pháp PT..., thông tin nghỉ ốm (nhập số ngày được nghỉ, tính bắt đầu từ ngày ra viện +1))
3.53.	In giấy chuyển tuyến
3.54.	In phiếu công khai thuốc (Mẫu 11D /BV-01/TT23)
3.55.	In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 02BV- BHYT
3.56.	In bảng kê thanh toán ra viện theo mẫu biểu 02BV- BHYT (Áp dụng cho đối tượng người bệnh không có thẻ BHYT)
3.57.	Tính toán thời gian, đường đi ngắn nhất của BN khi thực hiện các dịch vụ CLS (theo tiêu chí TT54)
3.58.	BN xuất viện chưa thanh toán thì lần vào viện sau sẽ cảnh báo tại tiếp đón.
3.59.	Kiểm tra thông tin thẻ BHYT trên cổng thông tin BH khi nhập thẻ BH trong nội trú.
3.60.	Hội chẩn kháng sinh theo văn bản 5631 BYT
3.61.	Thông báo hội chẩn kháng sinh theo TT30
3.62.	Bảng kiểm tiêm chủng TE
3.63.	Phiếu chức năng sống có thể lấy số liệu của phiếu chăm sóc
3.64.	Chức năng thông tin suất ăn người nghèo
3.65.	Chức năng và in ấn bệnh án tổng quát, bệnh án chi tiết, tóm tắt bệnh án
3.66.	Tự động cảnh báo sơ kết điều trị
3.67.	Quản lý giường vật lý và cấp giường bệnh nhân
3.68.	Cảnh báo khi kê trùng loại giường trong ngày
3.69.	Chức năng hiển thị thông tin chi phí tạm tính của BN trong khoa (Tiền tạm ứng, tiền BN trả, tiền BHYT thanh toán...)
3.70.	Chức năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng của các đối tượng trưởng thành, nhi, mang thai...
3.71.	Chức năng cấp giấy chứng sinh
3.72.	Bàn giao hồ sơ bệnh án
4.	QUẢN LÝ CHỈ ĐỊNH LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG
4.1.	Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng
4.2.	Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng theo gói
4.3.	Chuyển đổi loại hình thanh toán khi chỉ định
4.4.	Cảnh báo số tiền vượt trần BHYT khi chỉ định CLS
4.5.	Chỉ định cận lâm sàng theo phác đồ
4.6.	Cảnh báo chỉ định cận lâm sàng sai phác đồ
4.7.	Quản lý ICD10 khi chỉ định cận lâm sàng
5.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ PHÒNG MỔ
5.1.	Quản lý phòng mổ chương trình, phòng mổ cấp cứu, phòng mổ dịch vụ (yêu cầu)
5.2.	Quản lý BN mổ chương trình, mổ cấp cứu, mổ dịch vụ (yêu cầu)
5.3.	Chức năng trả mổ
5.4.	Chức năng trả về khoa điều trị

5.5.	Hệ thống báo cáo thống kê: Số ca BN mổ phiên, mổ cấp cứu
5.6.	Quản lý thuốc tử trực phòng mổ (Yêu cầu bù tử trực thuốc chẵn, ví dụ trong ngày khoa sử dụng 2.25 lọ, cuối ngày Khoa Dược thu hồi 0.75 để xuất hủy vì thuốc dư sẽ hủy trong ngày, sau đó Khoa Dược sẽ bù lại 3 lọ cho khoa PT)
5.7.	Quản lý vật tư tử trực phòng mổ
5.8.	Quản lý ekip mổ
5.9.	Quản lý thuốc, vật tư, gói phẫu thuật thủ thuật trong ca mổ
5.10.	Quản lý Bệnh nhân hậu phẫu, sau mổ
5.11.	Hệ thống báo cáo thống kê: Doanh thu phòng mổ, lợi nhuận phòng mổ, số PTTT, báo cáo tai nạn thương tích.
6.	QUẢN LÝ PHẪU THUẬT THỦ THUẬT
6.1.	In phiếu chứng nhận PTTT
6.2.	In giải trình phẫu thuật thủ thuật
6.3.	Tính toán lợi nhuận phẫu thuật thủ thuật
6.4.	Tạo thuốc, vật tư đi kèm gói phẫu thuật thủ thuật
6.5.	Tạo thuốc, vật tư ngoài gói phẫu thuật thủ thuật
6.6.	Quản lý định mức thuốc gói phẫu thuật thủ thuật
6.7.	Quản lý định mức vật tư gói phẫu thuật thủ thuật
6.8.	Chức năng cảnh báo không cho phép chỉ định tổng tiền thuốc, vật tư hao phí lớn hơn gói dịch vụ
6.9.	Khai báo thông tin phẫu thuật, thủ thuật theo TT50: BS gây mê, phụ mê, phương pháp...
6.10.	Tính công phẫu thuật, thủ thuật theo QĐ 73 cho ekip tham gia phẫu thuật
6.11.	Tính toán chi phí cuộc mổ có thay ekip mổ, không thay ekip mổ.
6.12.	In thông tin hành chính các biểu mẫu Bảng kiểm an toàn, phẫu thuật thủ thuật, phiếu XN giải phẫu bệnh sinh thiết, trích biên bản hội chẩn PT, biên bản hội chuẩn PT, bảng kiểm chuẩn bị BN trước PT, bảng câu hỏi tiền phẫu, phiếu GMHS, phiếu theo dõi bệnh nhân chăm sóc cấp I sau phẫu thuật tai mũi họng. In phiếu thực hiện và công khai thuốc (in theo tờ điều trị)
7.	QUẢN LÝ XÉT NGHIỆM
7.1.	Chức năng in barcode
7.2.	Chức năng tiếp nhận bệnh phẩm
7.3.	Chức năng xem Hồ sơ bệnh án
7.4.	Chức năng chạy lại 1 kết quả xét nghiệm hoặc nhiều kết quả xét nghiệm
7.5.	Chức năng sửa kết quả xét nghiệm
7.6.	Chức năng kê đơn vật tư hóa chất
7.7.	Chức năng kê đơn vật tư thanh toán riêng
7.8.	Chức năng khai báo định mức cho dịch vụ xét nghiệm
7.9.	Chức năng tạo phiếu tổng hợp lĩnh vật tư hóa chất
7.10.	Cảnh báo kết quả xét nghiệm bất thường, nằm ngoài giới hạn cho phép
7.11.	Nhận chỉ định từ khoa phòng, đồng bộ kết quả xét nghiệm của BN tại khoa phòng.
7.12.	Quản lý kết quả xét nghiệm theo chuẩn ISO 15189: Tính toán thời gian dự kiến trả kết quả xét nghiệm, thời gian lấy mẫu, người lấy mẫu, loại mẫu...
7.13.	Chức năng trả kết quả từng phần (Sử dụng 1 phiếu có nhiều xét nghiệm, XN có kết quả trước, XN có kết quả sau)
7.14.	Chức năng in kết quả từng phần (Sử dụng 1 phiếu có nhiều xét nghiệm, XN có

	kết quả trước, XN có kết quả sau)
7.15.	Kết nối đầu đọc barcode
7.16.	Chức năng giao tiếp với máy xét nghiệm qua cổng Com, RJ45, RJ11...
7.17.	Chức năng terminal đón nhận raw, view raw, kiểm tra raw từ máy xét nghiệm
7.18.	Tích hợp các protocol máy xét nghiệm: HL7, ASTM1381, ASTM1394, ASCII, Advia, Hitachi, AU, Rpidboind...
7.19.	Kết nối xét nghiệm theo nhiều chuẩn khác nhau: RS232, TCP IP Server, TCP IP Client
7.20.	Liên thông với XML 4210 bảng 4 lấy thông tin mã máy xét nghiệm
7.21.	Kết nối máy xét nghiệm 1 chiều
7.22.	Kết nối máy xét nghiệm 2 chiều
7.23.	In kết quả xét nghiệm bằng phần mềm
7.24.	Trả kết quả xét nghiệm qua mạng về khoa/phòng
7.25.	Hệ thống sổ xét nghiệm: Sinh hóa, vi sinh, huyết học, nước tiểu theo QĐ 4069....
7.26.	Hệ thống báo cáo thống kê xét nghiệm
7.27.	Hệ thống báo cáo doanh thu xét nghiệm: Doanh thu theo thu tiền, doanh thu theo trả kết quả thực tế
8.	QUẢN LÝ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
8.1.	Kết nối với màn hình hiển thị danh sách Người bệnh chờ thực hiện.
8.2.	Kết nối với các máy sinh ảnh
8.3.	Chức năng gọi người bệnh vào thực hiện
8.4.	Phân phòng thực hiện tự động cho từng dịch vụ
8.5.	Kết nối với hệ thống PACS cho phép kỹ thuật viên xem ảnh ngay trên RIS
8.6.	Lập lịch, thời gian hoạt động cho phòng thực hiện
8.7.	Chức năng nhập mô tả, kết luận, đính kèm ảnh và ghi chú.
8.8.	Chức năng chỉnh sửa ảnh Xquang, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ
8.9.	Chức năng kê đơn thuốc
8.10.	Chức năng kê đơn vật tư
8.11.	Chức năng khai báo định mức cho dịch vụ
8.12.	Chức năng tạo phiếu tổng hợp linh thuốc
8.13.	Chức năng tạo phiếu tổng hợp linh vật tư
8.14.	In kết quả bằng phần mềm
8.15.	Hệ thống báo cáo doanh thu CDHA, sổ CDHA
8.16.	Trả kết quả qua mạng về khoa/phòng (Gồm: Mô tả, kết luận, hình ảnh và ghi chú)
9.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ MÁU, CHẾ PHẨM MÁU
9.1.	Quản lý kho máu: Nhập, xuất, tồn, kiểm kê
9.2.	Hệ thống báo cáo kho máu: thẻ kho, phiếu nhập, xuất, biên bản kiểm kê, kiểm nhập, nhập xuất tồn kho máu, xuất máu ngoại viện, nhập máu từ các nguồn, xuất máu BV tuyến dưới...
9.3.	Chỉ định máu, chế phẩm máu
9.4.	In phiếu lĩnh máu tổng hợp
9.5.	In phiếu lĩnh máu theo từng bệnh nhân
9.6.	Xuất máu bệnh viện tuyến dưới
9.7.	Xuất máu ngoại viện
10.	PHÂN HỆ THU NGÂN

10.1.	Kết nối đầu đọc barcode.
10.2.	Chức năng tìm kiếm (theo mã bệnh nhân, theo tên bệnh nhân, theo thẻ BHYT)
10.3.	Chức năng tạo sổ thu tiền
10.4.	Chức năng tạo sổ tạm ứng
10.5.	Chức năng khóa sổ
10.6.	Chức năng tạo phiếu tạm ứng tiền cho người bệnh.
10.7.	Chức năng tạo phiếu thu tiền cho người bệnh.
10.8.	Chức năng tạo phiếu hoàn ứng cho người bệnh.
10.9.	Chức năng hủy phiếu thu tiền, hủy phiếu tạm ứng.
10.10	Chức năng duyệt kế toán
10.11	Chức năng hiển thị trạng thái bệnh nhân: (Đã đóng bệnh án, Đã duyệt kế toán, chưa duyệt kế toán)
10.12	In phiếu thu tạm ứng.
10.13	In biên lai thu tiền.
10.14	In hóa đơn từ phần mềm
10.15	In phiếu thu tạm ứng
10.16	In hóa đơn thu tiền
10.17	Xuất XML, kết nối API hóa đơn điện tử của các nhà cung cấp khác
11.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
11.1.	Hạch toán doanh thu, chi phí từng khoa phòng chỉ định: BHYT, Viện phí, Dịch vụ
11.2.	Hạch toán doanh thu khoa phòng thực hiện: BHYT, Viện phí, Dịch vụ...
11.3.	Hạch toán doanh thu dịch vụ kỹ thuật theo: BHYT, Viện phí, Dịch vụ...
11.4.	Hạch toán doanh thu theo nhóm dịch vụ: Xét nghiệm, CDHA, TDCN, PTTT...
11.5.	Hạch toán doanh thu theo hóa đơn bệnh nhân BHYT, Viện phí, Dịch vụ... đối tượng nội trú, ngoại trú
11.6.	Hạch toán doanh thu tạm ứng, hoàn ứng đối tượng nội trú, ngoại trú
11.7.	Hệ thống báo cáo thống kê chi phí: chi phí của bệnh nhân (thuốc, vật tư hao phí trong gói dịch vụ), chi phí khoa phòng
11.8.	Hạch toán doanh thu, lợi nhuận phẫu thuật thủ thuật
11.9.	Khi cập nhật thẻ BHYT hoặc gia hạn thẻ thì hệ thống tự động cập nhật đúng thông tin thanh toán theo hạn thẻ và mã thẻ
11.10	Cảnh báo trùng mã BN khi cập nhật thông tin thẻ BHYT (Để các BN khám bệnh có 1 mã y tế duy nhất)
11.11	Có thể sử dụng giải pháp thanh toán không tiền mặt: như kết nối máy POS, Qrcode...
11.12	Quản lý thông tin thanh toán người nghèo (QĐ số: 26/2014/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Quảng Trị)
11.13	Báo cáo danh sách chỉ định mã dịch vụ nhi khoa
11.14	Báo cáo danh sách bệnh nhân điều trị ngày cuối năm
12.	GIÁM ĐỊNH BHYT (THEO VĂN BẢN HIỆN HÀNH)
12.1.	Kết xuất dữ liệu XML theo QĐ 4210
12.2.	Kết xuất dữ liệu XML theo QĐ 130
12.3.	Kết xuất dữ liệu XML QĐ 4210 tự động
12.4.	Kết xuất dữ liệu XML QĐ 4210 tự động BN ra viện theo TT48
12.5.	Kết xuất XML QĐ 4210, QĐ 130 từng bệnh nhân đang điều trị
12.6.	Duyệt giám định BHYT

12.7.	Kết xuất mẫu biểu báo cáo BHYT: 19,20,21,79.80 theo QĐ 1399, File mềm gửi công theo CV3360; mẫu theo thông tư 102
12.8.	Các văn bản phát sinh: Bộ y tế, bảo hiểm xã hội và các văn bản pháp quy khác
13.	QUẢN LÝ DANH MỤC DÙNG CHUNG (THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH)
13.1.	Quản lý danh mục khám bệnh: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.2.	Quản lý danh mục xét nghiệm: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.3.	Quản lý danh mục chẩn đoán hình ảnh: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.4.	Quản lý danh mục thăm dò chức năng: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.5.	Quản lý danh mục phẫu thuật thủ thuật: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15, loại PTTT
13.6.	Quản lý danh mục ngày giường: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.7.	Quản lý danh mục vận chuyển: thông tin mã tương đương, bảng giá, thông tin mã giá TT37, TT15
13.8.	Quản lý danh mục khoa, phòng, kho theo QĐ BHYT: Mã khoa theo BHYT, Mã phòng theo BHYT
13.9.	Quản lý danh mục đường dùng BHYT: Mã đường dùng theo BHYT, tên đường dùng
13.10	Quản lý danh mục hoạt chất, mã hoạt chất BHYT: mã hoạt chất theo BHYT, tên hoạt chất, mã hoạt chất TT40
13.11	Quản lý danh mục thuốc: mã tương đương, số đăng ký, thông tin thầu, thông tin thuốc
13.12	Quản lý danh mục vật tư: mã tương đương, số đăng ký, thông tin thầu, thông tin vật tư
13.13	Quản lý danh mục người dùng: mã user, tên nhân viên, chức danh, số chứng chỉ hành nghề
13.14	Quản lý danh mục ICD10 theo quy định BHYT
13.15	Quản lý danh mục kết quả điều trị
13.16	Quản lý danh mục mã nhóm dịch vụ
13.17	Quản lý danh mục máy y tế: mã máy, tên máy, seri, nguồn mua...
14.	PHÂN HỆ QUẢN LÝ KHO, NHÀ THUỐC (THUỐC, VẬT TƯ VÀ MÁU)
14.1.	Quản lý danh mục thuốc, vật tư, hàng hóa
14.2.	Quản lý danh mục kho
14.3.	Quản lý danh mục đơn vị
14.4.	Quản lý danh mục hoạt chất
14.5.	Quản lý danh mục biệt dược
14.6.	Quản lý danh mục đường dùng
14.7.	Quản lý danh mục nước sản xuất
14.8.	Quản lý danh mục hãng sản xuất
14.9.	Quản lý danh mục nhà cung cấp
14.10	Quản lý danh mục đơn vị
14.11	Quản lý danh mục khách hàng, khách lẻ, đối tác

14.12	Quản lý danh mục đường dùng
14.13	Quản lý danh mục nguồn chương trình
14.14	Quản lý danh mục báo cáo
14.15	Quản lý danh mục nhóm dược lý
14.16	Quản lý danh mục nhóm quản lý
14.17	Quản lý danh mục tiêu nhóm dược lý
14.18	Quản lý danh mục nghiên cứu
14.19	Quản lý danh mục quy chế
14.20	Quản lý danh mục ABC, VEN
14.21	Quản lý đầu thầu thuốc, vật tư
14.22	Chức năng nhập nhà cung cấp
14.23	Chức năng nhập từ các nguồn
14.24	Chức năng nhập chuyển kho
14.25	Chức năng nhập hoàn trả Khoa/phòng
14.26	Chức năng nhập hoàn trả Kho
14.27	Chức năng nhập kiểm kê
14.28	Chức năng xuất khoa/phòng
14.29	Chức năng xuất chuyển kho
14.30	Chức năng xuất trả nhà cung cấp
14.31	Chức năng xuất ngoại viện
14.32	Chức năng xuất hủy, hỏng vỡ
14.33	Chức năng xuất kiểm nghiệm
14.34	Chức năng xuất kiểm kê
14.35	Chức năng dự trữ
14.36	Chức năng cảnh báo hạn sử dụng, xuất thuốc/ vật tư hết hạn sử dụng
14.37	Chức năng cảnh báo số lượng
14.38	Chức năng thu hồi phiếu thuốc, vật tư BN không lĩnh
14.39	Quản lý tất cả các loại phiếu nhập
14.40	Quản lý tất cả các loại phiếu xuất
14.41	Quản lý kỳ kiểm kê: chốt kỳ, hủy kỳ
14.42	Quản lý tủ trực thuốc, vật tư theo cơ số
14.43	Quản lý tủ trực thuốc, vật tư theo bệnh nhân
14.44	Chức năng xuất thuốc theo cơ chế: Hạn sử dụng hết trước thì xuất trước, nhập trước xuất trước
14.45	Chức năng khai báo thông tin
14.46	Chức năng khóa thuốc, vật tư tồn kho
14.47	Chức năng khóa thuốc, vật tư nhập nhà cung cấp
14.48	Chức năng xem thông tin xuất nhập
14.49	Chức năng xem thông tin phiếu yêu cầu
14.50	Chức năng xem hồ sơ bệnh án
14.51	Chức năng hiển thị trạng thái phiếu
14.52	Chức năng xem thẻ kho
14.53	Chức năng xem thông tin (Tên, Số lô, Số đăng ký, Số lượng tồn đầu, Số lượng tồn kho, Thuốc đã khóa, Thuốc hết hạn)
14.54	In phiếu nhập kho
14.55	In phiếu nhập kiểm kê
14.56	In phiếu xuất kho

14.57	In phiếu hoàn trả
14.58	In phiếu xuất hủy
14.59	In phiếu xuất kiểm nghiệm
14.60	In phiếu xuất kiểm kê
14.61	In biên bản kiểm nhập
14.62	In thẻ kho (Mẫu 04D/BV-01/TT22)
14.63	Báo cáo doanh thu nhà thuốc
14.64	Tổng hợp thu chi
14.65	Quản lý nhà cung cấp
14.66	Đơn thuốc điện tử, liên thông công dược quốc gia
15.	PHÂN HỆ BÁO CÁO DƯỢC
15.1.	Bổ sung báo cáo: _ Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc gây nghiện, hướng thần, tiền chất làm thuốc (phụ lục VIII - TT20/2017) _ Sổ theo dõi xuất, nhập, tồn kho thuốc dạng phối hợp có chứa chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc và dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực (phụ lục XVIII - TT20/2017) _ Báo cáo xuất, nhập, tồn kho, sử dụng thuốc GN, HT, TC, thuốc phóng xạ, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (phụ lục X - TT20/2017) _ Sổ theo dõi thông tin chi tiết khách hàng (phụ lục XXI)
15.2.	Báo cáo công tác khoa Dược bệnh viện (Mẫu 10D/BV-01/TT22)
15.3.	Báo cáo sử dụng thuốc (Mẫu 05D/BV-01/TT22)
15.4.	Báo cáo sử dụng kháng sinh (Mẫu 06D/BV-01/TT22)
15.5.	Báo cáo sử dụng hóa chất (Mẫu 08D/BV-01/TT22)
15.6.	Báo cáo sử dụng vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 09D/BV-01/TT22)
15.7.	Biên bản kiểm kê thuốc (Mẫu 11D/BV-01/TT22)
15.8.	Biên bản kiểm kê hóa chất (Mẫu 12D/BV-01/TT22)
15.9.	Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 13D/BV-01/TT22)
15.10	Biên bản xác nhận thuốc/hóa chất/vật tư y tế tiêu hao mất/hỏng/vỡ (Mẫu 14D/BV-01/TT22)
15.11	Thống kê 15 ngày sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao (Mẫu 16D/BV-01/TT23)
15.12	Báo cáo xuất nhập tồn kho
15.13	Báo cáo tồn kho toàn viện
15.14	Báo cáo xuất nhập theo khoa phòng
16.	QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN, QUẢN LÝ KẾ HOẠCH TỔNG HỢP, BÁO CÁO THỐNG KÊ
16.1.	Duyệt lưu trữ bệnh án: vị trí lưu trữ, nơi lưu trữ (HSBA phải qua KHTH mới xuống kho lưu trữ) (Vị trí lưu trữ cấp tự động khi xuất viện, vị trí theo định dạng YY.XXX-T, trong đó YY là năm, XXX là hộp lưu trữ, T là tầng từ 1 đến 50 theo từng hộp).
16.2.	Có bước ký nhận hồ sơ giữa Khoa điều trị và Phòng KHTH (BN xuất viện thì danh sách chờ nằm tại Phòng KHTH).
16.3.	Yêu cầu vị trí lưu trữ và số lưu trữ phải liên tục
16.4.	Cấp số lưu trữ tự động sinh theo khoa đầu tiên
16.5.	Cấp số lưu trữ tự động sinh theo khoa cuối cùng (định dạng số lưu trữ

	YYXXXXXXXX, trong đó YY là năm, XXXXXXXX tăng từ 1 theo năm)
16.6.	Tự động reset số lưu trữ theo năm hoặc tăng liên tục
16.7.	Tìm kiếm nhanh theo số lưu trữ, mã bệnh nhân.
16.8.	Báo cáo thống kê bệnh án: đã lưu trữ, chưa lưu trữ, bao gồm các thông tin lưu trữ của bệnh án
16.9.	Hệ thống báo cáo thống kê medisoft 2003
16.10	Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê TT27 BYT (tình hình bệnh tật tử vong, hoạt động khám bệnh, hoạt động điều trị, hoạt động PTTT, Hoạt động cận lâm sàng, hoạt động tài chính...)
16.11	Hệ thống báo cáo kế hoạch tổng hợp
16.12	Hệ thống báo cáo giao ban, thống kê toàn bộ hoạt động bệnh viện
16.13	Phân hệ khám sức khỏe theo đoàn: Khởi tạo hợp đồng, danh sách khám sức khỏe, gói khám, tính tổng tiền khám, báo cáo kết luận khám, thông tin khám sức khỏe
16.14	Trích chuyên dữ liệu theo quyết định 06/QĐ-TTg
16.15	Cập nhật hệ thống theo quyết định 130/QĐ-BYT
16.16	Sổ khám bệnh (chung, chuyên khoa, ngoại trú)
16.17	Sổ vào viện, ra viện, chuyển viện
16.18	Sổ phẫu thuật
16.19	Sổ thủ thuật
16.20	Sổ xét nghiệm
16.21	Sổ xét nghiệm tế bào máu ngoại vi
16.22	Sổ chẩn đoán hình ảnh
16.23	Sổ nội soi
16.24	Sổ xét nghiệm vi sinh
16.25	Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án
16.26	Sổ lưu trữ hồ sơ bệnh án tử vong
16.27	Sổ tổng hợp thuốc hàng ngày
16.28	Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong theo ICD10
16.29	Báo cáo hoạt động khám bệnh
16.30	Báo cáo hoạt động điều trị
16.31	Báo cáo hoạt động phẫu thuật, thủ thuật
16.32	Báo cáo hoạt động cận lâm sàng
16.33	Báo cáo tai nạn thương tích
17.	PHÂN HỆ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG
17.1.	Quản lý người dùng, phân quyền người dùng
17.2.	Quản lý, phân quyền in ấn các biểu mẫu, giấy tờ, báo cáo
17.3.	Cấu hình các trạm y tế tuyến dưới
17.4.	Chức năng báo cáo động: cho phép tự chỉnh sửa các biểu mẫu, giấy tờ, báo cáo. Tự đặt các công thức vào báo cáo.
17.5.	Cấu hình các trạm y tế tuyến dưới
17.6.	Quản lý máy trạm
17.7.	Chức năng thông báo tới các máy trạm
17.8.	Log lại các thao tác của người sử dụng
17.9.	Khóa dịch vụ (tạm thời không cho phép bác sĩ chỉ định dịch vụ/thuốc/vật tư ... vì lý do nào đó. VD: máy hồng. thuốc để dành)
17.10	Tự động nâng cấp ở tất cả các máy trạm

17.11	Update các file biểu mẫu, báo cáo
18.	QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ
18.1.	Danh mục hàng hóa, vật tư
18.2.	Danh mục đơn vị tính
18.3.	Danh mục tiền tệ
18.4.	Danh mục hãng sản xuất
18.5.	Danh mục nước sản xuất
18.6.	Danh mục năm sản xuất
18.7.	Danh mục tình trạng chất lượng
18.8.	Danh mục tình trạng sử dụng
18.9.	Danh mục nguồn hình thành
18.10	Danh mục hình thức mua sắm
18.11	Danh mục kho
18.12	Danh mục vị trí
18.13	Danh mục đối tác
18.14	Danh mục loại sửa chữa, bảo dưỡng
18.15	Danh mục kiểu sửa chữa, bảo dưỡng
18.16	Danh mục loại tài liệu
18.17	Cho phép thêm mới/import trang thiết bị
18.18	Cho phép quản lý danh sách phụ tùng đi kèm
18.19	Cho phép quản lý danh sách tài liệu đi kèm, cho phép đính kèm file
18.20	Cho phép theo dõi quá trình sử dụng (nhập, xuất)
18.21	Cho phép theo dõi quá trình bảo dưỡng, sửa chữa liên quan đến trang thiết bị
18.22	Cho phép lên kế hoạch bảo dưỡng
18.23	Cho phép cập nhật tình hình bảo dưỡng, sửa chữa
18.24	<p>Bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục năm đưa vào sử dụng - Chức năng theo dõi, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì (VD: máy X bảo trì 3 lần/ năm. Hiệu chuẩn 1 lần/ năm --> ngày kiểm định/ hiệu chỉnh + ngày nhắc) - Chức năng khoa sử dụng (nhằm xác định khoa phòng nào đang sử dụng hoặc nếu chuyển đi thì khoa phòng nào đang quản lý) - Đối với các thiết bị sau khi thanh lý thì bổ sung: Xóa khỏi danh mục sử dụng, tạo thành mục thanh lý để kiểm tra
19.	QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
19.1.	Thêm mới đoàn vào
19.2.	Tìm kiếm đoàn vào
19.3.	Chỉnh sửa đoàn vào
19.4.	Xóa đoàn vào
19.5.	Xuất báo cáo đoàn vào
19.6.	Xem chi tiết đoàn vào
19.7.	Tìm kiếm đoàn ra
19.8.	Thêm mới đoàn ra
19.9.	Chỉnh sửa đoàn ra
19.10	Xuất báo cáo đoàn ra
19.11	Xóa đoàn ra
19.12	Xem chi tiết đoàn ra

19.13	Tìm kiếm Hệ
19.14	Tìm kiếm khoa phòng
19.15	Tìm kiếm cấp nghiên cứu
19.16	Thêm mới Hệ
19.17	Thêm mới khoa phòng
19.18	Thêm mới Cấp nghiên cứu
19.19	Sửa Hệ
19.20	Sửa khoa phòng
19.21	Sửa Cấp nghiên cứu
19.22	Xóa Hệ
19.23	Xóa khoa phòng
19.24	Xóa cấp nghiên cứu
19.25	Thêm mới đề cương nghiên cứu khoa học
19.26	Tìm kiếm đề cương nghiên cứu khoa học
19.27	Sửa đề cương nghiên cứu khoa học
19.28	Xóa đề cương nghiên cứu khoa học
19.29	Phê duyệt đề cương nghiên cứu khoa học
19.30	Xuất báo cáo nghiên cứu khoa học
19.31	Xuất báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học đã thông qua
19.32	Tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học đã thông qua
19.33	Tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học đã được cho phép thực hiện
19.34	Xuất báo cáo đề tài đã được phép thực hiện
19.35	Sửa đề tài nghiên cứu khoa học đã cho phép thực hiện
19.36	Phê duyệt nghiệm thu đề tài
19.37	Tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu
19.38	Xuất báo cáo nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu
19.39	Sửa đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu
19.40	Duyệt công nhân đề tài
19.41	Tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận
19.42	Xuất báo cáo đề tài nghiên cứu đã được công nhận
19.43	Sửa đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận
20.	QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
20.1.	Thêm mới hình thức đào tạo
20.2.	Tìm kiếm hình thức đào tạo
20.3.	Xóa hình thức đào tạo
20.4.	Thêm mới nơi cử đến
20.5.	Tìm kiếm nơi cử đến
20.6.	Xóa nơi cử đến
20.7.	Thêm mới lĩnh vực chuyên môn cần hỗ trợ
20.8.	Tìm kiếm lĩnh vực chuyên môn cần hỗ trợ
20.9.	Xóa lĩnh vực chuyên môn cần hỗ trợ
20.10	Thêm mới đối tượng
20.11	Tìm kiếm đối tượng
20.12	Xóa đối tượng
20.13	Thêm mới phòng khoa
20.14	Tìm kiếm phòng khoa
20.15	Xóa phòng khoa

20.16	Thêm mới chuyên ngành đào tạo
20.17	Xóa chuyên ngành đào tạo
20.18	Tìm kiếm chuyên ngành đào tạo
20.19	Thêm mới loại hình đào tạo (lớp, hội nghị, hội thảo...)
20.20	Tìm kiếm loại hình đào tạo
20.21	Xóa loại hình đào tạo
20.22	Thêm mới bệnh viện
20.23	Xóa bệnh viện
20.24	Tìm kiếm bệnh viện
20.25	Thêm mới trình độ
20.26	Xóa trình độ
20.27	Tìm kiếm trình độ
20.28	Thêm mới chương trình đào tạo
20.29	Xóa chương trình đào tạo
20.30	Tìm kiếm chương trình đào tạo
20.31	Sửa hình thức đào tạo
20.32	Sửa nơi cử đến
20.33	Sửa lĩnh vực chuyên môn cần hỗ trợ
20.34	Sửa đối tượng
20.35	Sửa phòng khoa
20.36	Xuất báo cáo đề tài đã được phép thực hiện
20.37	Sửa loại hình đào tạo
20.38	Sửa bệnh viện
20.39	Sửa trình độ
20.40	Sửa chương trình đào tạo
20.41	Sửa đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu
20.42	Thêm mới đào tạo ngoại viện
20.43	Tìm kiếm đào tạo ngoại viện
20.44	Xóa đào tạo ngoại viện
20.45	Xuất báo cáo đào tạo ngoại viện
20.46	Thêm mới đào tạo nội viện
20.47	Tìm kiếm đào tạo nội viện
20.48	Xóa đào tạo nội viện
20.49	Xuất báo cáo đào tạo nội viện
20.50	Thêm mới hỗ trợ tuyển dưới
20.51	Tìm kiếm hỗ trợ tuyển dưới
20.52	Sửa hỗ trợ tuyển dưới
20.53	Xóa hỗ trợ tuyển dưới
20.54	Xuất báo cáo tuyển dưới
20.55	Thêm mới kỹ thuật được chuyển giao từ tuyển trên
20.56	Tìm kiếm kỹ thuật được chuyển giao từ tuyển trên
20.57	Sửa kỹ thuật được chuyển giao từ tuyển trên
20.58	Xóa kỹ thuật được chuyển giao từ tuyển trên
20.59	Xuất báo cáo kỹ thuật được chuyển giao từ tuyển trên
20.60	Thêm mới đào tạo tuyển dưới
20.61	Tìm kiếm đào tạo tuyển dưới
20.62	Sửa đào tạo tuyển dưới

20.63	Thêm mới chỉ đạo tuyến trên
20.64	Tìm kiếm chỉ đạo tuyến trên
20.65	Sửa chỉ đạo tuyến trên
20.66	Xóa chỉ đạo tuyến trên
20.67	Xuất báo cáo chỉ đạo tuyến trên
21.	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN
21.1.	Hệ thống cây Kiosk cảm ứng đánh giá hài lòng của người bệnh
21.2.	Tính toán thời gian dự kiến trả kết quả bệnh phẩm (83 tiêu chí chấm điểm BV)
21.3.	Tính toán thời gian, đường đi ngắn nhất của BN khi thực hiện các dịch vụ CLS khi khám bệnh (theo tiêu chí TT54)
21.4.	Tính toán thời gian trung bình chờ tiếp đón, chờ khám của 1 BN (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
21.5.	Tính toán thời gian trung bình trả kết quả cận lâm sàng: Xét nghiệm, X-quang, Siêu âm...(theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
21.6.	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả đúng hẹn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)
21.7.	Tính toán tỷ lệ % trả kết quả không đúng hẹn (theo 83 tiêu chí chấm điểm BV)

QUANG